

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2025/DS-PT
Ngày 28 tháng 8 năm 2025
“*Tranh chấp đòi lại tài sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Chiến - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 279/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 302/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 185/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1949. Địa chỉ: Căn hộ K Chung cư K, B H, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Căn hộ K Chung cư K, B H, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Ngô Triều C1, sinh năm 1949. Địa chỉ: A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A T, phường C (hoặc phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Hồng Tiên M, sinh năm 1948;

3.2. Bà Ngô Hoàng C2, sinh năm 1968;

3.3. Bà Ngô Hoàng D, sinh năm 1971;

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D có: Bà Hồng Tiên M. Địa chỉ liên lạc: Số A Đường B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. Nay là: Số A Đường B, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2023, ngày 11/12/2023).

3.4. Ông Ngô Hoàng N, sinh năm 1969 – chết ngày 01/03/2002. Có các con Bà Ngô Thục A, sinh năm 1989, vắng mặt; Bà Ngô Thục U, sinh năm 1991, có mặt; Bà Ngô Tuyết N1, sinh năm 1997, vắng mặt. Cùng địa chỉ liên lạc: 11 Đường B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A Đường B, ấp T, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Ngô Triều K (Kim Trieu N), sinh năm 1942. Địa chỉ: E Arbor Grove CT S, USA, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Triều K: Ông Ngô Triều C1, sinh năm 1949. Địa chỉ: A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A T, phường C (hoặc phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/7/2018 đã được hợp pháp hóa lãnh sự).

3.6. Bà Ngô Triều M1, sinh năm 1944. Địa chỉ: C Edy Street A # 103 San Francisco CA 94102, USA, vắng mặt

3.7. Bà Ngô Thị Phương T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Căn hộ K Chung cư K, B H, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Căn hộ K-20.12A Chung cư K, B H, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3.8. Bà Ngô Hoàng X, sinh năm 1970. Cư trú: Hoa Kỳ. Địa chỉ tại Việt Nam: Số D A L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số 453/KA A L, Phường A, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.9. Bà Ngô Hoàng Minh H, sinh năm 1976. Địa chỉ: D B, thành phố L, tiểu bang N, 89147, Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Hoàng Minh H, bà Ngô Hoàng X: Bà Ngô Thị Phương T. Địa chỉ mới: Căn hộ K Chung cư K, B H, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt (Theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2024 đã được hợp pháp hóa lãnh sự và Hợp đồng ủy quyền ngày 29/3/2024).

3.10. Ông Ngô Tích S, sinh năm 1936. Địa chỉ: B X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số B X, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.11. Bà Ngô Nguyệt L, sinh năm 1964. Địa chỉ: F W, S, USA, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Tích S, bà Ngô Nguyệt L: Bà Ngô Ngọc U1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số B X, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số B X, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có văn bản xin xét xử vắng mặt (Theo Văn bản ủy quyền công chứng số 007091 ngày 14/8/2014 lập tại Văn phòng C11; Văn bản ủy quyền ngày 30/10/2015 có xác nhận của Đ6 tại H.C.Q H).

3.12. Bà Ngô Triều H1 (chết năm 2014) và ông Trương Văn B (chồng bà H1, chết ngày 13/6/ 2021).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1 và ông B: Ông Trương Ngọc T1, sinh năm 1963, vắng mặt; Ông Trương Ngọc T2, sinh năm 1966, vắng mặt; Ông Trương Ngọc T3, sinh năm 1970, vắng mặt; Bà Trương Ngọc T4, sinh năm 1972, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số E H, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số E H, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.13. Bà Ngô Tích M2, sinh năm 1937. Địa chỉ: Số B T, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số B T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Tích M2: Ông Trần Quang T5, sinh năm 1971. Địa chỉ: Hẻm A D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Hẻm A D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt. (Theo Văn bản ủy quyền số công chứng 00005382 ngày 25/5/2023, lập tại Văn phòng C12).

3.14. Ông Ngô Triều G, sinh năm 1945. Địa chỉ: Số A D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

3.15. Bà Ngô Triều K1, sinh năm 1951. Địa chỉ: C Anthoy Drive Bellmawr N, USA, vắng mặt.

3.16. Ông Ngô Triều D1, sinh năm 1954. Địa chỉ: I Gold Coast Drive F, S, vắng mặt.

3.17. Bà Ngô Triều N2 (tên khác Ngô Thị L1, Ngô Thị L2), sinh năm 1956. Cùng địa chỉ: G Rue Saint - D QC H2R 2E2 Canada, vắng mặt.

3.18. Ông Ngô Triều T6 (Ngô T), sinh năm 1961. Địa chỉ: G R - Denis Montreal QC H 2E2 Canada, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị L1, ông Ngô Triều T6: Bà Ngô Triều L3. Địa chỉ: Số E Q, Khu phố E, Thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số E Q, Khu phố E, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 22/3/2024 có xác nhận của Đ6 tại Canada)

3.19. Bà Ngô Triều L3, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số E Q, Khu phố E, Thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số E Q, Khu phố E, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.20. Bà Ngô Triều P1, chết ngày 05/8/ 2021.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Triều P1: Ông Văn Văn S1, sinh năm 1959, vắng mặt; Ông Văn Đình L4, sinh năm 1988, có mặt; Ông Văn Đình Q, sinh năm 1996, có mặt. Cùng địa chỉ liên lạc: Số A Khu phố B, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A Khu phố B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.21. Bà Ngô Thị Xuân Đ, chết năm 2020.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị Xuân Đ: Ông Nguyễn Thành T7, sinh năm 1995, vắng mặt; Bà Nguyễn Thụy Diễm C3, sinh năm 1991, có mặt. Cùng địa chỉ thường trú: Số D H, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ

Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: A Khu phố B, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A Khu phố B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.22. Bà Dương Thị Đ1 (thường gọi là bà N3), sinh năm 1938, vắng mặt;

3.23. Ông Ngô Triều H2, sinh năm 1963, vắng mặt;

3.24. Ông Dương Triều G1, sinh năm 1968, vắng mặt;

3.25. Ông Dương Triều T8, sinh năm 1970, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số C Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số C Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.26. Bà Dương Triều X1, sinh năm 1965. Địa chỉ: D L, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: D L, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

3.27. Ông Dương Chiều T9, sinh năm 1966. Địa chỉ: C S Lowe A C, USA, vắng mặt;

3.28. Bà Lý Thị Kim D2, sinh năm 1950, vắng mặt; Địa chỉ: A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A T, phường C (hoặc phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

3.29. Ông Ngô Hoàng T10 (Thong H), sinh năm 1970, vắng mặt;

3.30. Bà Ngô Hoàng T11 (Jenny N4), sinh năm 1968, vắng mặt;

3.31. Ông Ngô Hoàng Đ2 (Duc H), sinh năm 1971, vắng mặt;

3.32. Ông Ngô Hoàng Đ3 (Dai Hoang N5), sinh năm 1977, vắng mặt;

3.33. Ông Ngô Hoàng C4 (Chanh H), sinh năm 1975, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 10225 SW 155th Ave B, USA;

3.34. Ông Ngô Đức D3 (Du Duc N), sinh năm 1985. Địa chỉ: A SW Cynthia St Aloha O, USA, vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của các ông Ngô Hoàng T10, bà Ngô Hoàng T11, ông Ngô Hoàng Đ2, ông Ngô Hoàng Đ3, ông Ngô Đức D3: Ông Ngô Triều C1, sinh năm 1949. Địa chỉ: A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A T, phường C (hoặc phường B), Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/6/2018).

3.35. Ông Nguyễn Đình M3, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số D H, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số D H, Phường N, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Đình M3: Ông Phạm Công D4, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số A Đường A, phường T, thành phố T (Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Nay là: Số A Đường A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S – Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

- Cụ Ngô Ô và cụ Nguyễn Thị M4 chung sống với nhau có 07 người con chung gồm: Ông Ngô Tích S, sinh năm 1936; bà Ngô Tích M2, sinh năm 1937; bà Ngô Triều H3, sinh năm 1939; ông Ngô Triều H4, (ông H4 chết năm 1984, theo quyết định số 41 ngày 12/01/2017 tuyên bố ông Ngô Triều H4 cùng vợ con chết. Ông H4 còn 01 người con là Ngô Nguyệt L); ông Ngô Triều G, sinh năm 1945; bà Ngô Triều K1, sinh năm 1951; ông Ngô Triều D1, sinh năm 1954.

- Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Nguyễn Thị P2, có 05 người con chung gồm: Ông Ngô Triều K2, sinh năm 1941 (chết năm 1980 có vợ là bà Hồng Tiên M, sinh năm 1948, chung sống có 03 người con chung là Ngô Hoàng C2, sinh năm 1968; Ngô Hoàng D, sinh năm 1971; Ngô Hoàng N, sinh năm 1969 (chết 2002) có con là Ngô Thục A, Ngô Thục U, Ngô Tuyết N1); Bà Ngô Triều K, sinh năm 1942; Bà Ngô Triều M1, sinh năm 1944; Ông Ngô Chiêu H5, sinh năm 1946 (chết năm 1994 có vợ là bà Nguyễn Thị Lan P, chung sống có 03 người con chung là Ngô Hoàng X, Ngô Thị Phương T, Ngô Hoàng Minh H); ông Ngô Triều C1, sinh năm 1949.

- Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Nguyễn Thị H6 (Tên khác là Nguyễn Thị H7, sinh năm 1934 chết năm 2005), có 05 người con chung gồm: Bà Ngô Triều N2 (tên khác Ngô Thị L1), sinh năm 1956; Bà Ngô Thị Xuân Đ, sinh năm 1958; Bà Ngô Triều L3, sinh năm 1960; Bà Ngô Triều P1, sinh năm 1960; Ông Ngô Triều T6, sinh năm 1961.

- Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Dương Thị Đ1 (thường gọi là bà N3, sinh năm 1938), có 05 người con chung gồm: Ông Ngô Triều H2, sinh năm 1963; Bà Dương Triều X1, sinh năm 1965; Ông Dương Chiêu T9, sinh năm 1966; Ông Dương Triều G1, sinh năm 1968; Ông Dương Triều T8, sinh năm 1970.

- Cụ Ngô Ô V bà Nguyễn Thị P2 chết có để lại di sản là căn nhà A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh hiện do gia đình ông Ngô Triều C1 quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Ngô Ô V bà Nguyễn Thị P2 để lại là căn nhà số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn bà Lan P đồng ý với giá trị tài sản tranh chấp được thể hiện tại Chứng thư & báo cáo thẩm định giá. Đối với ý kiến của bị đơn ông Ngô Triều C1 cùng vợ là bà Lý Thị Kim D2 và các con về việc hưởng thừa kế theo di chúc lập ngày 24/8/1987 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tích S về việc yêu cầu được hưởng thừa kế của ông Ngô Ô T12 tờ di chúc kiêm ủy quyền ngày 03/9/1987 liên quan tới căn nhà số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì nguyên đơn bà Lan P không đồng ý vì hai di chúc nêu trên là di chúc giả tạo lập trong thời gian cụ Ngô Ô B1 bệnh không nói được.

Bị đơn Ngô Triều C1 trình bày:

Cụ Ngô Ô và cụ Nguyễn Thị P2, chung sống có 05 người con là: Ông Ngô Triều K2, sinh năm 1941 (chết năm 1980); Bà Ngô Triều K, sinh năm 1942; Bà Ngô Triều

M1, sinh năm 1944; Ông Ngô Chiêu H5, sinh năm 1946 (chết năm 1994); Ông Ngô Triều C1, sinh năm 1949. Cụ P2 không có con riêng, con nuôi, chồng nào khác. Ông Ngô Ô C6 con riêng con nuôi hay không thì ông C1 không rõ.

Năm 1987, cụ Ngô Ô đã lập văn bản cho vợ chồng ông C1 và các con ông là Ngô Hoàng T11, Ngô Hoàng T10, Ngô Hoàng Đ2, Ngô Hoàng C4, Ngô Hoàng Đ3 được trọn quyền sử dụng theo ý muốn đối với căn nhà số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ngô Triều C1 không đồng ý các yêu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà D2 đang mang Quốc tịch Hoa Kỳ, nhưng không định cư tại Hoa Kỳ mà bà vẫn đi đi về về tại Việt Nam, tạm trú thường xuyên tại Việt Nam cùng với ông Ngô Triều C1 tại địa chỉ A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông C1, bà D2 và các con không đồng ý với các yêu cầu độc lập của ông Ngô Tích S, vì căn nhà số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị P2, sau giải phóng nhà nước đã quản lý đối với căn nhà này, vợ chồng ông C1 là người tiến hành thủ tục để xin lại căn nhà này của nhà nước. Ngày 12/8/1987, cụ Ngô Ô đã lập Tờ tường trình giao lại cho vợ chồng và các con ông C1 được trọn quyền sử dụng theo ý muốn bất luận thuộc đảng nào cũng không được quyền tranh tụng, ông C1, bà D2 và các con vẫn giữ nguyên ý kiến thừa kế căn nhà A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Tờ tường trình của cụ Ngô Ô L5 ngày 12/8/1987.

Quá trình sử dụng căn nhà A T, cụ Nguyễn Thị P2 ủy quyền cho cụ Ngô Ô (do Phòng Chuồng K3 S ký tên đóng dấu). Năm 1977, cụ P2 có kê khai nhà cửa, diện tích đất 64m², diện tích sử dụng 177.84m², diện tích sử dụng chính 150m² (bản kê khai nhà cửa năm 1977). Năm 1978, gia đình ông C1 gồm có cụ Nguyễn Thị P2, cụ Ngô Ô, ông Ngô Triều C1, bà Lý Thị Kim D2 và các con ông C1 bị cải tạo tư sản Công Thương Nghiệp chuyển sang sản xuất ở xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Giấy giới thiệu số 28/BVĐ ngày 25/6/1978). Vì lý do cụ Ngô Ô, cụ P2 già yếu hay bệnh tật, các con còn nhỏ nên không sản xuất được và trở về nhà cũ ở A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ở không có giấy tờ tùy thân.

Năm 1981, cụ P2 có làm đơn xin cứu xét việc xóa thành phần và giải tỏa căn nhà hiện cư ngụ và chết năm 1981. Tháng 01/1982, cụ Ngô Ô C6 làm đơn xin cứu xét cư trú gia đình. Tháng 10/1982, cụ Ngô Ô C6 làm đơn xin xét về lại chỗ ở cũ có xác nhận của Công an Khu vực và Ủy ban nhân dân Phường B2, Quận A. Năm 1984, ông C1, bà D2 mới được xét duyệt đối tượng Chỉ thị 28/CT có biên bản do Công an Phường 2 chứng. Tháng 4/1989, bà D2, ông C1 có làm đơn xin cứu xét hạ thành phần tư sản. Năm 1991, ông D2, bà C1 mới được cấp hộ khẩu. Năm 1992, ông C1, bà D2 mới nhờ hợp tổ dân phố xin khai tử trử hạn (biên bản hợp tổ dân phố) cho cụ Ngô Ô, cụ P2. Năm 1999, vợ chồng ông C1 có đăng ký nhà đất – Tờ đăng ký nhà đất. Đến năm 2000, bà D2 xuất cảnh đi Hoa Kỳ. Ông C1 đang làm đơn đề nghị xác nhận nhà nước không quản lý nhà theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTV QH 11 ngày 02/4/2005. Theo tờ tường trình của cụ Ngô Ô Đ4 ngày 12/8/1987 có xác nhận của

Công an khu vực và Ủy ban nhân dân Phường B2, Quận A để ở và thờ cúng ông bà tổ tiên – không ai được quyền tranh tụng và xin cứu xét theo Điều 4 Nghị quyết số: 755/2005/NQ-UBTVQH 11 ngày 02/4/2005. Ông C1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đã hết thời hiệu tranh chấp di sản thừa kế. Ông C1 xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Mặt khác, bà Lan P khởi kiện trình bày không đúng sự thật. Bà Nguyễn Thị P2 có tậu một lúc 03 căn phố: 1 căn mang số nhà A T và 2 căn mang số 95/1-95/3 N, Quận A và đã phá thông luôn làm một căn phố duy nhất, sử dụng số nhà A T. Khi các con đã lớn và có gia thất riêng, bà P2 xin tách rời căn phố nói trên làm 03 căn: Căn phố 95/3 Nguyễn Thái H8 cho bà Hồng Tiên M sử dụng 28 thước vuông (Tờ đoạn mãi do Hội H11 bán cho ông bà Nguyễn Văn T13, Nguyễn Thị P2) nhà 1 trệt, 1 lửng, 1 lầu, mái tôn, tổng diện tích sử dụng 60m²; Căn phố I N cho Ngô Triều M1 sử dụng gồm có đất 28 thước vuông (Tờ đoạn mãi do Hội H11 bán cho bà Nguyễn Thị P2 93 thước vuông) nhà 1 trệt, 1 lửng, 1 lầu, mái tôn, tổng diện tích sử dụng 60m²; Căn phố A T, Quận A còn lại 64 m² đất, bà P2 xin cất 1 căn phố lầu bằng gạch. Trên đất BK.2398 “Sài Gòn T” với diện tích 1 trệt, 1 lửng, 2 lầu sân thượng. Tổng cộng chung 201,60 thước vuông (Giấy phép xây cất năm 1961). Để thờ cúng ông bà Tổ T14 mà không ai được quyền tranh tụng (theo tờ tường trình ngày 24/8/1987) của ông Ngô Ô C6 xác nhận của Công an khu vực và Ủy ban nhân dân phường B2, Quận A gồm có cụ Nguyễn Thị P2, cụ Ngô Ô, ông Ngô Triều C1, bà Lý Thị Kim D2 và các con ông C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tích S có bà Ngô Ngọc UI là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha ông Ngô Tích S là cụ Ngô Ô, sinh năm 1905 (chết năm 1987) và mẹ là bà Nguyễn Thị M4, sinh năm 1905 (chết năm 1981). Ông S còn có mẹ là bà Trần Tu N6 theo như giấy khai sinh, nhưng bà N6 đã bỏ về Trung Quốc từ khi ông S còn nhỏ nên không biết tung tích bà N6 ở đâu và sống chết như thế nào. Trong quá trình chung sống có tạo lập được một khối tài sản trong đó có:

- Nhà đất số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là của mẹ kế bà Nguyễn Thị P2 đứng tên quyền sở hữu, năm 1959 đã ủy quyền cho cụ Ngô Ô đứng T15 sở hữu. Năm 1981, bà Nguyễn Thị P2 chết, cha ông được trọn quyền sở hữu căn nhà này.

- 04 căn nhà liền kề nhau và khu nhà phía sau của cơ sở cất giấy toạ lạc tại 59 – 61 Hương lộ A, Phường B, quận T (nay là số 48, 50 và E L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) và tài sản của Công ty P4 S.A. Ngày 03 tháng 9 năm 1987, cụ Ngô Ô và cụ Nguyễn Thị M4 có lập tờ di chúc kiêm ủy quyền để lại toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của cụ Ngô Ô và bà Nguyễn Thị M4 cho ông S.

Ông Ngô Tích S có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận ông Ngô Tích S là người được thừa kế theo di chúc đối với di sản của cha ông cụ Ngô Ô và bà Nguyễn Thị M4 để lại, cụ thể: Thừa kế căn nhà số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Thừa kế 04 căn nhà liền kề nhau và khu nhà phía sau của cơ sở cất giấy toạ lạc tại 59 – 61 Hương lộ A, Phường B, quận T (nay là số 48, 50 và E L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) và tài sản của Công ty P4 S.A; Tài

sản của Công ty P4 đã trả lại cho các cổ đông theo tờ chứng thư ngày 03/8/1986, tất cả các cổ phần đó đều do cha mẹ ông là cụ Ngô Ô V bà Nguyễn Thị M4 bỏ vốn, không có ai bỏ vốn. Ông yêu cầu các cổ đông trả lại số tiền đã nhận vì đây là tài sản của cha mẹ để lại, ông được thừa kế.

Ngày 01/11/2015, ông Ngô Tích S có đơn rút lại một phần yêu cầu độc lập, cụ thể ông Ngô Tích S rút lại yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với di sản là 04 căn nhà liền kề nhau và khu nhà phía sau của cơ sở cất giấy toạ lạc tại 59 – 61 Hương lộ A, Phường B, quận T (nay là số 48, 50 và E L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Ngô Tích S giữ yêu cầu công nhận ông Ngô Tích S là người được thừa kế theo di chúc đối với di sản của cụ Ô và cụ M4 để lại là nhà đất tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp không công nhận di chúc thì yêu cầu chia theo pháp luật. Có đơn xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồng Tiên M, bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D (có bà M là đại diện ủy quyền) trình bày:

Chồng bà M là ông Ngô Tiều K2, sinh năm 1941 (chết năm 1980) có 03 người con chung là Ngô Hoàng C2, sinh năm 1968; Ngô Hoàng D, sinh năm 1971; Ông Ngô Hoàng N, sinh năm 1969 – chết năm 2002 có các con là bà Ngô Thục A, sinh năm 1989; Bà Ngô Thục U, sinh năm 1991; Bà Ngô Tuyết N1, sinh năm 1997. Cha mẹ của ông Ngô Tiều K2 là cụ Ngô Ô và cụ Nguyễn Thị P2, sinh năm 1910 (chết năm 1981). Cụ Ngô Ô và cụ P2 chung sống có 05 người con chung. Các bà chỉ biết ông Ngô Ô C5 sống với 04 người vợ, có 22 người con, nhưng bà không biết những người này là ai, ở đâu và cũng không biết họ tên ngày tháng năm sinh.

Cụ Ngô Ô và cụ P2 chết không để lại di chúc. Cụ N7 chết không để lại tài sản gì, căn nhà số : A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là của cụ P2 tự tạo lập, đứng tên chủ sở hữu riêng đối với căn nhà này, ngoài ra cụ P2 không còn để lại di sản nào khác. Bà không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được hưởng phần thừa kế theo pháp luật.

Ngoài ra, ông N có vợ thứ nhất là người có tên là Nguyễn Thị H9 có đứng khai sinh tên mẹ trên Giấy khai sinh của bà Thục A, sau khi sinh bà Thục A được khoảng 6 tháng thì bỏ đi (khoảng năm 1990). Sau đó, ông N có sống chung với vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị Bình M5 về ở với ông N từ khoảng năm 1991, sau này bỏ đi đâu biết, không rõ sống chết. Cả hai người vợ này của ông N đều không đăng ký kết hôn, hiện không rõ nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hoàng N, sinh năm 1969 – chết năm 2002; Có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Bà Ngô Thục A, bà Ngô Thục U, bà Ngô Tuyết N1 cùng thống nhất trình bày: Thống nhất với trình bày của bà M. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, xin được hưởng phần thừa kế theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Triều K có ông Ngô Triều C1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với ý kiến của bị đơn ông C1. Tại văn bản đề ngày 21/3/2018, bà Ngô Triều K xác nhận nhường phần thừa kế mà bà được hưởng đối với nhà đất số A T cho ông Ngô Triều C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Triều M1 có ý kiến: Tại văn bản đề ngày 02/11/1989 bà Ngô Triều M1 xác nhận nhường phần thừa kế của cha mẹ mà bà được hưởng đối với nhà đất số A T cho ông Ngô Triều C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Phương T, ông Ngô Hoàng Minh H, bà Ngô Hoàng X có bà T đại diện theo ủy quyền trình bày: Các đương sự thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Nguyệt L có bà Ngô Ngọc U1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với yêu cầu của ông Ngô Tích S. Bà L có văn bản tự khai cung cấp cho Tòa án trình bày bà là con của ông Ngô Triều H4. Ông Ngô Triều H4, sinh năm 1943 đã chết theo quyết định số 41 ngày 12/01/2017, ông H4 chỉ còn lại 01 người con là bà Ngô Nguyệt L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Triều H1 (chết năm 2014) và ông Trương Văn B (chết năm 2021 - chồng bà H1). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1, ông B gồm ông Trương Ngọc T1, ông Trương Ngọc T2, ông Trương Ngọc T3, bà Trương Ngọc T4 trình bày:

Bà Ngô Triều H3 (chết năm 2014) có chồng là ông Trương Văn B (chết năm 2021) chung sống có 04 người con gồm: Ông Trương Ngọc T1, sinh năm 1963; Ông Trương Ngọc T2, sinh năm 1966; Ông Trương Ngọc T3, sinh năm 1970; Bà Trương Ngọc T4, sinh năm 1972.

Cha mẹ bà Ngô Triều H3 là cụ Ngô Ô S2 năm 1905 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị M4 sinh năm 1905 (chết năm 1981), ngoài ra bà không biết ông Ngô Ô C6 vợ con nào khác nữa hay không. Bà cũng không biết cụ Ngô Ô và cụ Nguyễn Thị M4 chung sống có tạo lập được tài sản gì. Các đương sự không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan P và yêu cầu độc lập của ông Ngô Tích S. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, trường hợp được hưởng thừa kế thì xin được nhận phần thừa kế được hưởng. Đồng ý chia thừa kế nhà A T. Đề nghị chia đều cho 22 người con của ông Ngô Ô .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Tích M2 có ông Trần Quang T5 đại diện ủy quyền trình bày:

Cụ Ngô Ô (chết năm 1987) có để lại di chúc, bà M2 có ký tên trên tờ di chúc, nhưng bà không biết nội dung di chúc là gì, để lại di sản cho ai. Còn cụ Nguyễn Thị M4 sinh năm 1905 (chết năm 1981) có để lại di chúc không thì bà không rõ.

Cha mẹ bà Ngô Tích M2 là Ngô Ô sinh năm 1905 (chết năm 1987) và bà Trần Tu N6 (Đã chết, nhưng bà không rõ chết năm nào), bà Trần Tu N6 chung sống với ông Ngô Ô Đ5 một thời gian thì có thai bà, sau khi bà Trần Tu Ngọc S3 bà ra được khoảng 02 tháng thì bỏ về Trung Quốc, để bà Tích M2 lại cho bà Nguyễn Thị M4 nuôi dưỡng, bà Tu N6 sau khi trở về Trung Quốc không quay lại Việt Nam cũng

không liên lạc gì với ông Ngô Ô V bà Tích M2 nữa. cụ Nguyễn Thị M4 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà Tích M2 cho tới khi cụ Nguyễn Thị M4 chết.

Bà Tích M2 chỉ biết ông Ô ngoài bà Tu N6, bà Nguyễn Thị M4 thì ông Ngô Ô C7 chung sống với 3 người vợ khác nữa, có bao nhiêu người con bà không rõ.

Ông Ngô Ô C8 để lại di sản gồm: Nhà đất số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là của mẹ kế bà Nguyễn Thị P2 đứng tên quyền sở hữu, năm 1959 đã ủy quyền cho cha ông (ông Ngô Ô) đứng tên sở hữu. Năm 1981, bà Nguyễn Thị P2 chết, cha bà được trọn quyền sở hữu căn nhà này; 04 căn nhà liền kề nhau và khu nhà phía sau của cơ sở cất giấy toạ lạc tại 59 – 61 Hương lộ A, Phường B, quận T (nay là số 48, 50 và E L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) và tài sản của Công ty P4 S.A. Bà Nguyễn Thị M4 chết không để lại di sản gì.

Bà Tích M2 không có ý kiến và yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan P, yêu cầu độc lập của ông Ngô Tích S. Bà cũng không có yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, trường hợp bà có được hưởng thừa kế thì xin được nhận phần thừa kế được hưởng. Đồng ý chia thừa kế nhà A T theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Triều G trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Ngô Ô, sinh năm 1905 (chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị M4, sinh năm 1905 (chết năm 1981) có 07 người con chung gồm: Ông Ngô Tích S, sinh năm 1936; Bà Ngô Tích M2, sinh năm 1937; Bà Ngô Triều H1, sinh năm 1939 (Chết năm 2014); Ông Ngô Triều H4, sinh năm 1943; Ông Ngô Triều G, sinh năm 1945; Bà Ngô Triều K1, sinh năm 1951; Ông Ngô Triều D1, sinh năm 1954. Ngoài ra, cụ Ngô Ô C7 có một số người vợ và con khác như ông Ngô Tích S trình bày là đúng.

Nguồn gốc nhà đất tranh chấp là của cụ Ngô Ô và cụ bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1910 (chết năm 1981) chung sống tạo lập được. Cụ Ngô Ô C8 để lại di chúc hay không ông không rõ. Ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Ngô Tích S. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng ý chia thừa kế nhà A T theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Triều D1: vắng mặt và không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Triều L3, bà Ngô Triều N2 (tên khác Ngô Thị L1, Ngô Thị L2); Ông Ngô Triều T6 (Ngô T) có người đại diện ủy quyền là bà Ngô Triều L3 trình bày: Đồng ý chia thừa kế nhà A T theo quy định của pháp luật. Thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Triều P1, chết năm 2021. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Triều P1 gồm có ông Văn Văn S1, ông Văn Đình L4, ông Văn Đình Q trình bày: Đồng ý chia thừa kế nhà A T theo quy định của pháp luật. Thống nhất với trình bày của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Xuân Đ, chết năm 2020. Có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị Xuân Đ gồm có ông Nguyễn Thành T7, bà Nguyễn Thụy Diễm C3 trình bày: Đồng ý chia thừa kế nhà A T theo quy định của pháp luật. Đối với ông Nguyễn Văn T16 là chồng của bà Ngô Thị Xuân Đ. Sau khi bà Xuân Đ chết thì ông T16 bỏ nhà đi theo người khác, bà Diễm C3, ông Thành T7 không rõ ông T16 ở đâu, còn sống hay đã chết, đã không còn liên lạc từ sau khi bà Xuân Đ C9.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Đ1 (thường gọi là bà N3), ông Ngô Triều H2, ông Dương Triều G1, ông Dương Triều T8, bà Dương Triều X1 cùng thống nhất trình bày:

Bà Dương Thị Đ1 và cụ Ngô Ô C5 sống như vợ chồng không lập Hôn thú, từ năm 1962, có con chung 5 người con: Ngô Triều H2, sinh năm 1963; Bà Dương Triều X1, sinh năm 1965; Ông Dương Triều T9, sinh năm 1966; Ông Dương Triều G1, sinh năm 1968; Ông Dương Triều T8, sinh năm 1970.

Về phần tờ khai sinh của bà X1, ông T9, ông G1 và ông T8: Vào thời điểm 1965 trở về sau, chính quyền lúc bấy giờ có qui định không cho phép khai tên người cha vào tờ khai sinh cho đứa trẻ cho các trường hợp vợ chồng sống chung không lập Hôn thú. Nên bà X1, ông T9, ông G1 và ông Tân tờ khai sinh không có tên người cha và tên phải mang họ mẹ.

Quá trình chung sống với cụ Ngô Ô, bà Đ1 được biết ông đã có 3 người vợ: Người vợ thứ nhất tên là Nguyễn Thị M4 (chết và không rõ năm chết), có được 07 người con chung (không rõ họ tên và hiện nay cư ngụ ở đâu); Người vợ thứ hai tên là Nguyễn Thị P2 (chết năm 1983), có được 05 người con chung (02 người con trai đã chết, không rõ năm chết, 02 người con gái đang định cư ở Mỹ, không biết địa chỉ và 01 người con trai tên Ngô Triều C1, cư ngụ tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); Người vợ thứ ba tên là Nguyễn Thị H6, không biết hiện nay ở đâu, có được 05 người con chung (không rõ họ tên và hiện nay cư ngụ ở đâu).

Về di sản của cụ Ngô Ô C10 không biết rõ, nay vụ án tranh chấp thừa kế về di sản là căn nhà số A đường T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết, phần di sản của ông Ngô Ô, các ông bà không tranh chấp, nếu được thừa kế theo pháp luật xin được hưởng. Bà Đ1 xác định không có tài sản chung với cụ Ngô Ô đối V1 căn nhà A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Triều T9: Vắng mặt và không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hoàng T10 (Thong H), bà Ngô Hoàng T11 (J), ông Ngô Hoàng Đ2 (Duc H), ông Ngô Hoàng Đ3 (D), ông Ngô

Hoàng C4 (Chanh H), ông Ngô Đức D3 (Du Duc N). Đại diện ủy quyền của ông Ngô Hoàng T10, bà Ngô Hoàng T11, ông Ngô Hoàng Đ2, ông Ngô Hoàng Đ3, ông Ngô Đức D3 có ông Ngô Triều C1 trình bày: Thống nhất với ý kiến của với ông C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hoàng C4 trình bày:

Từ năm 1975 đến năm 1978, ông C4 còn nhỏ ở cùng với gia đình (ông bà nội và cha mẹ) tại số nhà A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1978, gia đình ông gồm có ông nội, bà nội và cha mẹ bị cải tạo tư sản Công Thương N8 chuyển sang sản xuất ở xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Giấy giới thiệu số 28/BVĐ ngày 25/6/1978). Vì lý do ông nội – bà nội già yếu hay bệnh tật, ông C4 và các anh chị em còn nhỏ nên không sản xuất được và trở về nhà cũ ở A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ở. Theo Tờ tường trình của ông Ngô Ô Đ4 ngày 24/8/1978 có xác nhận của Công an Khu vực và B2, Quận A “NHÀ ĐỂ Ở VÀ THỜ CÚNG ÔNG BÀ – TỔ TIÊN (KHÔNG AI ĐƯỢC QUYỀN TRANH TỤNG)” và xin cứu xét theo Điều 4 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH 11 ngày 02/4/2005. Ông không chấp nhận bán căn nhà A T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Kim D2 trình bày:

Năm 1968, bà D2 kết hôn với ông Ngô Triều C1 và về làm dâu tại nhà số A T. Năm 1978, gia đình bà gồm cụ Nguyễn Thị P2, cụ Ngô Ô, bà D2, ông C1 và các con bị cải tạo tư sản công thương nghiệp chuyển sang sản xuất ở xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vì lý do cha mẹ già yếu, các con còn nhỏ nên bà D2 và ông C1 không sản xuất được phải chuyển về nhà 103 T để ở không có giấy tùy thân. Năm 1981, cụ P2 có làm đơn xin cứu xét việc xóa thành phần và giải tỏa căn nhà hiện cư ngụ và chết năm 1981. Tháng 01/1982, cụ Ngô Ô C6 làm đơn xin cứu xét cư trú gia đình. Tháng 10/1982, cụ Ngô Ô C6 làm đơn xin xét về lại chỗ ở cũ có xác nhận của Công an Khu vực và Ủy ban nhân dân phường B2, Quận A, cụ Ngô Ô C8 năm 1987. Năm 1984, ông C1, bà D2 mới được xét duyệt đối tượng Chỉ thị 28/CT có biên bản do Công an P5 chứng nhận. Tháng 4/1989, bà D2, ông C1 có làm đơn xin cứu xét hạ thành phần tư sản. Năm 1991, ông D2, bà C1 mới được cấp hộ khẩu. Năm 1992, ông C1, bà D2 mới nhờ họp tổ dân phố xin khai tử trở hạn (biên bản họp tổ dân phố) cho cụ Ngô Ô, cụ P2. Năm 1999, vợ chồng bà có đăng ký nhà đất – Tờ đăng ký nhà đất. Đến năm 2000 bà D2 xuất cảnh đi Hoa Kỳ. Theo tờ tường trình của cụ Ngô Ô Đ4 ngày 12/8/1987 có xác nhận của Công an khu vực và B2, Quận A để ở và thờ cúng ông bà tổ tiên – không ai được quyền tranh tụng và xin cứu xét theo Điều 4 Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005. Bà D2 xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Đức D3 trình bày:

Cha ông là ông Ngô Triều C1 hiện đang sống tại nhà A T, mẹ tên Lý Thị Kim D2 hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, cha mẹ chung sống có 6 người con là ông Ngô Hoàng T10 (Thong H), bà Ngô Hoàng T11 (J), ông Ngô Hoàng Đ2 (Duc H), ông Ngô

Hoàng Đ3 (D), ông Ngô Hoàng C4 (Chanh H), ông Ngô Đức D3 (Du Duc N). Ông nội tên Ngô Ô C8 năm 1987, bà nội là Nguyễn Thị P2 không nhớ chết năm nào. Không rõ chung sống có bao nhiêu người con, ông bà chết có để lại di chúc hay không thì ông không rõ. Ông xác nhận căn nhà A T là của ông C1, bà D2, ông chỉ biết ông sống ở nhà A T từ nhỏ đến lớn nhưng hiện tại ông không giữ bất cứ giấy tờ hoặc là tài liệu chứng minh đó là nhà của ông C1, bà D2. Nay bà Lan P khởi kiện để tranh chấp thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà A T, ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận ông C1, bà D2 và các anh em ông được thừa kế nhà 103 T theo di chúc ông bà nội để lại. Ông D3 xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đình M3 (đại diện ủy quyền ông Phạm Công D4) trình bày: Ông Nguyễn Đình M3 là chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng Ảnh Màu S, xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 302/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 34, khoản 1, 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 618, Điều 620, 623, Điều 630 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 48, 49, 50, 106 Luật Đất đai năm 2003; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Án lệ 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P.
2. Xác định nhà đất tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị P2 chết để lại.
3. Nhà đất tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh được chia thừa kế như sau:
 1. Ông Ngô Triều C1 được hưởng là: 33/56 kỷ phần;
 2. Bà Dương Thị Đ1 được hưởng 1/168 kỷ phần
 3. Ông Ngô Tích S được hưởng 1/168 kỷ phần;
 4. Bà Ngô Tích M2 được hưởng 1/168 kỷ phần;
 5. Bà Ngô Nguyệt L được hưởng 1/168 kỷ phần;
 6. Ông Ngô Triều G được hưởng 1/168 kỷ phần;
 7. Bà Ngô Triều K1 được hưởng 1/168 kỷ phần;
 8. Ông Ngô Triều D1 được hưởng 1/168 kỷ phần;
 9. Bà Ngô Triều N2 (Ngô Thị L1) được hưởng 1/140 kỷ phần;
 10. Bà Ngô Triều L3 được hưởng 1/140 kỷ phần;
 11. Ông Ngô Triều T6 được hưởng 1/140 kỷ phần;

12. Ông Ngô Triều H2 được hưởng 1/168 kỷ phần;
13. Bà Dương Triều X1 được hưởng 1/168 kỷ phần;
14. Ông Dương Chiều T9 được hưởng 1/168 kỷ phần;
15. Ông Dương Triều G1 được hưởng 1/168 kỷ phần;
16. Ông Dương Triều T8 được hưởng 1/168 kỷ phần;
17. Bà Nguyễn Thị Lan P, bà Ngô Hoàng X, bà Ngô Thị Phương T, bà Ngô Hoàng Minh H mỗi người được hưởng là 25/672 kỷ phần;
18. Bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D mỗi người được hưởng 25/504 kỷ phần;
19. Bà Ngô Thục A, bà Ngô Thục U, bà Ngô Tuyết N1 mỗi người được hưởng 25/2016 kỷ phần;
20. Bà Hồng Tiên M được hưởng 25/2016 kỷ phần;
21. Ông Nguyễn Thành T7, bà Nguyễn Thụy Diễm C3 mỗi người được hưởng 1/280 kỷ phần;
22. Ông Văn Văn S1, ông Văn Đình L4, ông Văn Đình Q mỗi người được hưởng là 1/420 kỷ phần;
23. Ông Trương Ngọc T1, ông Trương Ngọc T2, bà Trương Ngọc T4, ông Trương Ngọc T3 mỗi người được hưởng 1/672 kỷ phần.

Đối với trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu. Do đó, dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác nếu có phát sinh tranh chấp cho các trường hợp xuất hiện người thừa kế mới theo quy định pháp luật.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các đồng thừa kế không có khả năng nhận nhà đất và trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác theo kỷ phần, các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để được hưởng phần giá trị tài sản mà mình được hưởng, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án. Giá trị tài sản được xác định tại thời điểm thi hành án. Các đồng thừa kế được hưởng di sản được quyền ưu tiên mua lại tài sản, các đồng thừa kế hiện đang cư trú tại nhà đất được quyền ưu tiên mua trước.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ngô Tích S yêu cầu ông nhận ông Ngô Tích S là người được thừa kế theo di chúc đối với di sản của cha ông (Ngô Ô) và bà Nguyễn Thị M4 để lại, cụ thể: Ông yêu cầu được thừa kế căn nhà A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc đình chỉ yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông Ngô Tích S đối với di sản là 04 căn nhà liền kề nhau và khu nhà phía sau của cơ sở cất giấy toạ lạc tại 59 – 61 Hương lộ A, Phường B, quận T (nay là số 48, 50 và E L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); về chi phí tố tụng, về án phí dân sự sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2024, bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án xác định Căn nhà số A đường T là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị P2 là không đúng; việc chia tỷ lệ kỷ phần thừa kế không hợp lý; bà Nguyễn Thị M4 là vợ cả của ông Ngô Ô C8 sau ông Ngô Ô N9 không được hưởng thừa kế; các chi phí phí tố tụng chi trả lại cho ông Tích S không đúng. Yêu cầu xác minh lại số người con theo đúng quy định của pháp luật vì Dương Triều X1, Dương Triều T17, Dương Triều G1, Dương Triều T8 có khai sinh không có tên cha là ông Ngô Ô .

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S có kháng cáo đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Ngọc Uyên P3 là con của bà Ngô Ngọc U1 nộp đơn xin xét xử vắng mặt của bà Ngô Ngọc U1. Xét thấy người kháng cáo có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên đề nghị hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có kháng cáo.

Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Ngọc Uyên P3 là con của bà Ngô Ngọc U1 nộp đơn xin xét xử vắng mặt của bà Ngô Ngọc U1. Xét thấy, người kháng cáo bà Ngô Ngọc U1 (là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S) có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Ngô Triều C1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Tích S cho rằng Bản án xác định Căn nhà số A đường T là tài sản thuộc sở hữu

của bà Nguyễn Thị P2 là không đúng; việc chia tỷ lệ kỷ phần thừa kế không hợp lý; bà Nguyễn Thị M4 là vợ cả của ông Ngô Ô C8 sau ông Ngô Ô N9 không được hưởng thừa kế; các chi phí phí tổn tụng chỉ trả lại cho ông Tích S không đúng. Yêu cầu xác minh lại số người con theo đúng quy định của pháp luật vì Dương Triều X1, Dương Triều T17, Dương Triều G1, Dương Triều T8 có khai sinh không có tên cha là ông Ngô Ô ; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp là nhà đất số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

Theo Tờ đoạn mãi ngày 10/11/1959, xác định người mua thừa đất tại địa chỉ A T, diện tích chín mươi ba thước vuông, cước vào sổ bộ điền thổ Châu Thành S khu vực “SAI GON THAI BINH” quyển 10, tờ 2398 và lập thành bằng khoán mới số 2398 (do bằng khoán 274 chiết ra). Ngày 31/3/1971, đã lập xong bằng khoán số 2398 và giao cho cụ Nguyễn Thị P2. Tại thời điểm cụ P2 mua thừa đất trên thì trong tờ đoạn mãi xác định bà P2 độc thân. Ngày 20/12/1977, cụ Nguyễn Thị P2 đứng tên kê khai nhà cửa đối với nhà đất trên.

Theo Thanh tra Sở xây dựng thành phố H có công văn số: 55 ngày 14/01/2009 gửi ông Ngô Triều C1 nội dung như sau: “*Căn nhà A T, phường C, Quận A do bà Nguyễn Thị P2 mua theo Tờ đoạn mãi lập ngày 10/12/1959, trước bạ ngày 18/11/1959 thuộc bằng khoán 2398 S - Thái Bình lập bộ ngày 30/3/1971. Năm 1981 bà P2 mất, năm 1987 ông Ngô Ô M6 (chồng bà P2), nhà do con là ông Ngô Triều C1 sử dụng. Nhà này không thuộc diện Nhà nước quản lý*”.

Tại tờ tường trình ngày 12/8/1987, cụ Ngô Ô xác N10 căn nhà số A Đại lộ T là bất động sản do cụ Nguyễn Thị P2 tạo mãi với của riêng bà, bà trọn quyền sử dụng theo ý muốn. Tờ tường trình có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường B3, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngô Triều L6, Ngô Triều L3, Ngô Thị Xuân Đ xác định lúc còn sống, cụ Ngô Ô đã chia cho mỗi bà vợ 01 căn nhà. Căn nhà số A T là của cụ P2 và các con của cụ P2. Lời khai này phù hợp với những chứng cứ đã nêu trên. Do đó, có căn cứ xác định căn nhà số A T thuộc sở hữu riêng của cụ Nguyễn Thị P2.

[2.2] Cụ Nguyễn Thị P2 chết năm 1981. Di sản của cụ P2 để lại là nhà đất tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cụ P2 chết không để lại di chúc. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, di sản của bà P2 được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm chồng là cụ Ngô Ô V 05 người con của cụ P2 và cụ Ngô Ô G2: có 05 người con chung gồm: Ông Ngô Triều K2, sinh năm 1941 (chết năm 1980 có vợ là bà Hồng Tiên M, chung sống có 03 người con chung là bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D, ông Ngô Hoàng N chết 2002 (ông N có các con là bà Ngô Thục A, bà Ngô Thục U, bà Ngô Tuyết N1); Bà Ngô Triều K, sinh năm 1942; Bà Ngô Triều M1, sinh năm 1944; Ông Ngô Chiêu H5 (chết năm 1994 có vợ là bà Nguyễn Thị Lan P, chung sống có 03 người con chung là Ngô Hoàng X, Ngô Thị Phương T, Ngô Hoàng Minh H); Ông Ngô Triều C1.

Xét thấy sau khi cụ P2 chết, ông C1 vẫn ở tại căn nhà số A T, ông C1 là người trực tiếp quản lý, trông coi nhà từ năm 1981 cho tới nay và có cho Nguyễn Đình M3

quản lý, trông coi và sử dụng làm nơi kinh doanh ảnh màu. Căn cứ khoản 3 Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016, Bản án sơ thẩm chia cho ông C1 được hưởng thêm kỷ phần thừa kế do có công sức trong việc quản lý, giữ gìn di sản là có căn cứ.

Do đó, di sản của cụ P2 được chia thành 07 kỷ phần thừa kế: cụ Ngô Ô , ông Ngô Tiêu K2, bà Bà Ngô Triều K; Bà Ngô Triều M1, ông Ngô Chiêu H5 mỗi người được hưởng 1/7 kỷ phần thừa kế và ông Ngô Triều C1 được hưởng 2/7 kỷ phần thừa kế đối với nhà, đất tại số A T là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Năm 1987, cụ Ngô Ô C8. Di sản của cụ Ngô Ô L7 để lại là 1/7 kỷ phần thừa kế đối với di sản là căn nhà số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do cụ Ô không để lại di chúc nên di sản được chia thừa kế theo pháp luật:

Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ô, theo lời khai của các đương sự được thể hiện tại hồ sơ đã xác định:

Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Trần Tu N6 (đã bỏ về Trung Quốc, không rõ tung tích) có 02 người con chung là: Ông Ngô Tích S, sinh năm 1936; Bà Ngô Tích M2, sinh năm 1937. Ông S, bà M2 đều xác định không nhớ bà N6 là ai, không rõ tung tích, chỉ biết trên giấy khai sinh có ghi thông tin như vậy. Ông S và bà Tích M2 xác định chỉ có mẹ là bà Nguyễn Thị M4 đã nuôi dưỡng ông S, bà M4 cho tới khi qua đời;

Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Nguyễn Thị M4, sinh năm 1905 (chết năm 1981) có 05 người con chung gồm: Bà Ngô Triều H1, (sinh năm 1939 – chết năm 2014, có chồng là ông Trương Văn B – chết năm 2012, có các con là ông Trương Ngọc T1, ông Trương Ngọc T2, ông Trương Ngọc T3, bà Trương Ngọc T4); Ông Ngô Triều H4 (ông H4 sinh năm 1943 – đã chết theo quyết định số 41 ngày 12/01/2017 tuyên bố ông Ngô Triều H4 cùng vợ con chết, còn lại người con là Ngô Nguyệt L); Ông Ngô Triều G, sinh năm 1945; Bà Ngô Triều K1, sinh năm 1951; Ông Ngô Triều D1, sinh năm 1954;

Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Nguyễn Thị P2, sinh năm 1910 (chết năm 1981) có 05 người con chung gồm: Ông Ngô Tiêu K2, sinh năm 1941 (chết năm 1980 có vợ là bà Hồng Tiên M, chung sống có 03 người con chung là bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D, ông Ngô Hoàng N chết 2002 (ông N có các con là bà Ngô Thục A, bà Ngô Thục U, bà Ngô Tuyết N1); Bà Ngô Triều K, sinh năm 1942; Bà Ngô Triều M1, sinh năm 1944; Ông Ngô Chiêu H5 (chết năm 1994 có vợ là bà Nguyễn Thị Lan P, chung sống có 03 người con chung là Ngô Hoàng X, Ngô Thị Phương T, Ngô Hoàng Minh H); Ông Ngô Triều C1;

Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Nguyễn Thị H6 (Tên khác là Nguyễn Thị H7), sinh năm 1934 (chết năm 2005), có 05 người con chung gồm: Bà Ngô Triều N2 (tên khác Ngô Thị L1); Bà Ngô Thị Xuân Đ (bà Đ chết năm 2020 có 02 người con là ông Nguyễn Thành T7 và bà Nguyễn Thụy Diễm C3); Bà Ngô Triều L3, bà Ngô Triều P1 (có chồng là ông Văn Văn S1 chung sống có 02 người con là ông Văn Đình L4, ông Văn Đình Q); Ông Ngô Triều T6;

Cụ Ngô Ô C5 sống với cụ Dương Thị Đ1 (thường gọi là bà N3), sinh năm 1938, có 05 người con chung gồm: Ông Ngô Triều H2, bà Dương Triều X1, ông Dương Chiêu T9, ông Dương Triều G1, ông Dương Triều T8. Cụ Dương Thị Đ1 khai vào thời điểm 1965 trở về sau, chính quyền lúc bấy giờ có qui định không cho phép khai

tên người cha vào tờ khai sinh cho đứa trẻ cho các trường hợp vợ chồng sống chung không lập Hôn thú. Nên bà X1, ông T9, ông G1 và ông Tân tờ khai sinh không có tên người cha và tên phải mang họ mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định cụ Ô chung sống với cụ Đ1 có 05 người con chung. Do đó Bản án sơ thẩm xác định ông Ngô Triều H2, bà Dương Triều X1, ông Dương Chiều T9, ông Dương Triều G1, ông Dương Triều T8 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ngô Ô L7 có căn cứ.

Do đương sự Trần Tu N6 đã bỏ đi và không rõ tung tích; cụ Nguyễn Thị M4 và cụ Nguyễn Thị P2 chết trước cụ Ngô Ô. Nên di sản của cụ Ngô Ô Đ5 hưởng thừa kế đối với di sản là nhà, đất tại số A T được chia thừa kế 2 người vợ còn lại là cụ bà Nguyễn Thị H6 và cụ Dương Thị Đ1 và 22 người con gồm: 1. Ông Ngô Tích S; 2. Bà Ngô Tích M2; 3. Bà Ngô Triều H1; 4. Ông Ngô Triều H4; 5. Ông Ngô Triều G; 6. Bà Ngô Triều K1; 7. Ông Ngô Triều D1; 8. Ông Ngô Triều K2; 9. Bà Ngô Triều K; 10. Bà Ngô Triều M1; 11. Ông Ngô Chiều H5; 12. Ông Ngô Triều C1; 13. Bà Ngô Triều N2 (Ngô Thị L1); 14. Bà Ngô Thị Xuân Đ; 15. Bà Ngô Triều L3; 16. Bà Ngô Triều P1; 17. Ông Ngô Triều T6; 18. Ông Ngô Triều H2; 19. Bà Dương Triều X1; 20. Ông Dương Chiều T9; 21. Ông Dương Triều G1; 22. Ông Dương Triều T8, mỗi người được hưởng $1/7 \times 1/24 = 1/168$ kỷ phần là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thừa kế chuyển tiếp và thừa kế thế vị đối với di sản là nhà, đất tại số A, T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Ông Ngô Chiều H5 chết năm 1994 có vợ là bà Nguyễn Thị Lan P và 03 người con chung bà Ngô Hoàng X, bà Ngô Thị Phương T, bà Ngô Hoàng Minh H. Do đó, kỷ phần thừa kế của ông H5 được hưởng từ ông Ngô Ô V cụ P2 là: $1/7 + 1/168$ kỷ phần, được chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị Lan P và 03 người con là bà Ngô Hoàng X, bà Ngô Thị Phương T, bà Ngô Hoàng Minh H mỗi người được nhận là: $1/4 \times (1/7 + 1/168) = 25/672$.

[3.2] Do cụ Nguyễn Thị H6 (tên khác là Nguyễn Thị H7) chết năm 2005, Nên 05 người con của cụ H6 là bà Ngô Triều N2 (tên khác Ngô Thị L1), bà Ngô Thị Xuân Đ, bà Ngô Triều L3, bà Ngô Triều P1, ông Ngô Triều T6 được hưởng phần thừa kế của bà H6 đối với kỷ phần thừa kế mà bà H6 được hưởng thừa kế đối với di sản là nhà, đất tại số A T. Do đó, bà Ngô Triều N2 (tên khác Ngô Thị L1), bà Ngô Thị Xuân Đ, bà Ngô Triều L3, bà Ngô Triều P1, ông Ngô Triều T6 mỗi người được hưởng là $(1/5 \times 1/168) + 1/168 = 1/140$ kỷ phần.

[3.2.1] Bà Ngô Thị Xuân Đ – chết năm 2020, Nên kỷ phần thừa kế của bà Đ được chia cho các thừa kế là 02 người con ông Nguyễn Thành T7, bà Nguyễn Thụy Diễm C3, mỗi người được hưởng $1/2 \times 1/140 = 1/280$ kỷ phần.

[3.2.2] Bà Ngô Triều P1 – chết năm 2021, Nên kỷ phần thừa kế của bà P1 được chia cho các thừa kế là chồng ông Văn Văn S1 và 02 người con là ông Văn Đình L4, ông Văn Đình Q, mỗi người được hưởng là $1/3 \times 1/140 = 1/420$ kỷ phần.

[3.3] Ông Ngô Triều H4 – chết năm 1984 theo quyết định số 41 ngày 12/01/2017 tuyên bố ông Ngô Triều H4 cùng vợ con chết. Ông Triều H4 còn một người con là bà Ngô Nguyệt L. Do đó, bà Ngô Nguyệt L được hưởng kỷ phần thừa kế của ông H4 được hưởng là $1/168$ kỷ phần.

[3.4] Ông Ngô Tiều K2 – chết năm 1980 (chết trước ông Ngô Ô V cụ P2) Do đó, kỷ phần thừa kế của ông K2 được hưởng từ ông Ngô Ô V cụ P2 là: $1/7 + 1/168$ kỷ phần, được chia cho 03 người con bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D, ông Ngô Hoàng N, mỗi người được hưởng $1/3 \times (1/7 + 1/168) = 25/504$ kỷ phần.

[3.4.1] Ông Ngô Hoàng N – chết năm 2002. Do đó, kỷ phần của ông N được hưởng là $25/504$ kỷ phần, được chia cho Bà Hồng Tiên M, bà Ngô Thục A, bà Ngô Thục U, bà Ngô Tuyết N1, mỗi người được hưởng $1/4 \times 25/504 = 25/2016$ kỷ phần.

[3.5] Bà Ngô Triều H1 – chết năm 2014. Do đó, kỷ phần thừa kế bà H1 được hưởng $1/7$ kỷ phần, được chia cho các đồng thừa kế của bà H1 là 04 người con gồm ông Trương Ngọc T1, ông Trương Ngọc T2, bà Trương Ngọc T4, ông Trương Ngọc T3, mỗi người được hưởng $1/4 \times 1/168 = 1/672$ kỷ phần.

[3.6] Đối với bà Ngô Triều M1 có văn bản (có chứng nhận của Phòng công chứng nhà nước) nhường phần thừa kế của cụ P2 và cụ Ngô Ô M7 bà được hưởng đối với nhà đất 103 T cho ông Ngô Triều C1; và bà Ngô Triều K có văn bản (đã được pháp hóa lãnh sự tại Đ6 tại Hoa Kỳ) nhường phần thừa kế của của cụ P2 và cụ Ngô Ô M7 bà được hưởng đối với nhà đất A T cho ông Ngô Triều C1.

Do đó, ông Ngô Triều C1 được hưởng tổng cộng các kỷ phần thừa kế là: $2/7 + 1/7 + 1/7 + 1/168 + 1/168 + 1/168 = 33/56$ kỷ phần.

[4] Đối với cụ Trần Tu N6, bà Nguyễn Thị H9, bà Nguyễn Thị Bình M5, ông Nguyễn Văn T16 do tại phiên tòa các đương sự mới trình bày và xác định không biết rõ về thông tin cá nhân, nơi cư trú hiện không rõ sống chết và không biết ở đâu. Nên Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác nếu có phát sinh tranh chấp cho các trường hợp xuất hiện người thừa kế mới theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[5] Bản án sơ thẩm xác định nếu các đồng thừa kế không có khả năng nhận nhà đất và trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác theo kỷ phần, các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để được hưởng phần giá trị tài sản mà mình được hưởng, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án. Giá trị tài sản được xác định tại thời điểm thi hành án. Các đồng thừa kế được hưởng di sản được quyền ưu tiên mua tại tài sản, các đồng thừa kế hiện đang cư trú tại nhà đất được quyền ưu tiên mua trước là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Đình M3 khai ông C1 có cho ông M3 mượn nhà để kinh doanh Ảnh Màu, không có lập hợp đồng thuê mượn, hàng tháng ông có chuyển tiền cho bà D2 nhưng không có định, ông không có yêu cầu gì trong vụ án. Để bảo đảm việc thi hành án, buộc ông Nguyễn Đình M3 phải di dời tài sản ra khỏi nhà đất A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu có tranh chấp về việc thuê mượn nhà ông Nguyễn Đình M3 được khởi kiện ông Ngô Triều C1 bằng vụ án khác.

Do đó, Bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Tích S4 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định những người được nhận di sản thừa kế có nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng tương ứng với kỹ phân thừa kế được hưởng để hoàn trả cho ông S4 là đúng quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ngô Ngọc U1 là người đại diện theo ủy quyền của ông S4 kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Ngọc U1.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Tích S (do bà Ngô Ngọc U1 đại diện), giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quan điểm của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Tuy nhiên, xét thấy tại phần nhận định của Bản án sơ thẩm có nhận định: Để bảo đảm việc thi hành án, buộc ông Nguyễn Đình M3 phải di dời tài sản ra khỏi nhà đất A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu có tranh chấp về việc thuê mượn nhà ông Nguyễn Đình M3 được khởi kiện ông Ngô Triều C1 bằng vụ án khác. Nhưng tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm không tuyên xử “Để bảo đảm việc thi hành án, buộc ông Nguyễn Đình M3 phải di dời tài sản ra khỏi nhà đất A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu có tranh chấp về việc thuê mượn nhà ông Nguyễn Đình M3 được khởi kiện ông Ngô Triều C1 bằng vụ án khác” là chưa đầy đủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, cần bổ sung cho đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Tích S được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông Ngô Tích S đối với di sản là 04 căn nhà liền kề nhau và khu nhà phía sau của cơ sở cất giấu toạ lạc tại 59 – 61 Hương lộ A, Phường B, quận T (nay là số 48, 50 và E L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); về lỗi suất chậm thi hành án; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tích S (do bà Ngô Ngọc U1 làm đại diện).

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 302/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan P:

2.1. Xác định nhà, đất tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị P2 chết để lại.

2.2. Nhà, đất tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh được chia thừa kế theo các kỹ phần như sau:

- 2.2.1. Ông Ngô Triều C1 được hưởng là: 33/56 kỹ phần;
- 2.2.2. Bà Dương Thị Đ1 được hưởng 1/168 kỹ phần
- 2.2.3. Ông Ngô Tích S được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.4. Bà Ngô Tích M2 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.5. Bà Ngô Nguyệt L được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.6. Ông Ngô Triều G được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.7. Bà Ngô Triều K1 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.8. Ông Ngô Triều D1 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.9. Bà Ngô Triều N2 (Ngô Thị L1) được hưởng 1/140 kỹ phần;
- 2.2.10. Bà Ngô Triều L3 được hưởng 1/140 kỹ phần;
- 2.2.11. Ông Ngô Triều T6 được hưởng 1/140 kỹ phần;
- 2.2.12. Ông Ngô Triều H2 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.13. Bà Dương Triều X1 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.14. Ông Dương Chiều T9 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.15. Ông Dương Triều G1 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.16. Ông Dương Triều T8 được hưởng 1/168 kỹ phần;
- 2.2.17. Bà Nguyễn Thị Lan P, ông Ngô Hoàng X, bà Ngô Thị Phương T, bà Ngô Hoàng Minh H mỗi người được hưởng là 25/672 kỹ phần;
- 2.2.18. Bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D mỗi người được hưởng 25/504 kỹ phần;
- 2.2.19. Bà Ngô Thục A, bà Ngô Thục U, bà Ngô Tuyết N1 mỗi người được hưởng 25/2016 kỹ phần;
- 2.2.20. Bà Hồng Tiên M được hưởng 25/2016 kỹ phần;
- 2.2.21. Ông Nguyễn Thành T7, bà Nguyễn Thụy Diễm C3 mỗi người được hưởng 1/280 kỹ phần;
- 2.2.22. Ông Văn Văn S1, ông Văn Đình L4, ông Văn Đình Q mỗi người được hưởng là 1/420 kỹ phần;
- 2.2.23. Ông Trương Ngọc T1, ông Trương Ngọc T2, bà Trương Ngọc T4, ông Trương Ngọc T3 mỗi người được hưởng 1/672 kỹ phần.
- 2.2.24. Đối với trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu. Do đó, dành quyền khởi kiện bằng vụ án khác nếu có phát sinh tranh chấp cho các trường hợp xuất hiện người thừa kế mới theo quy định pháp luật.

2.3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các đồng thừa kế không có khả năng nhận nhà đất và trả lại giá trị cho các đồng thừa kế khác theo kỷ phần, các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để được hưởng phần giá trị tài sản mà mình được hưởng, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết cho việc thi hành án. Giá trị tài sản được xác định tại thời điểm thi hành án. Các đồng thừa kế được hưởng di sản được quyền ưu tiên mua tại tài sản, các đồng thừa kế hiện đang cư trú tại nhà đất được quyền ưu tiên mua trước.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ngô Tích S yêu cầu ông nhận ông Ngô Tích S là người được thừa kế theo di chúc đối với di sản của cha ông (Ngô Ô) và bà Nguyễn Thị M4 để lại, cụ thể: Ông Ngô Tích S yêu cầu được thừa kế căn nhà A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.5. Để bảo đảm việc thi hành án, buộc ông Nguyễn Đình M3 phải di dời tài sản ra khỏi nhà, đất tại số A T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu có tranh chấp về việc thuê mượn nhà ông Nguyễn Đình M3 được khởi kiện ông Ngô Triều C1 bằng vụ án khác.

2.6. Về chi phí tố tụng: Các đồng thừa kế phải hoàn trả lại cho ông Ngô Tích S tiền tạm ứng chi phí, lệ phí tố tụng ngay khi được nhận kỷ phần thừa kế tương ứng như sau:

- Ông Ngô Triều C1 phải hoàn trả số tiền là 41.864.234 đồng (bốn mươi một triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, hai trăm ba mươi bốn đồng);

- Bà Dương Thị Đ1, bà Ngô Tích M2, bà Ngô Nguyệt L, ông Ngô Triều G, bà Ngô Triều K1, Ông Ngô Triều D1, ông Ngô Triều H10, bà Dương Triều X1, ông Dương Chiều T9, ông Dương Triều G1, ông Dương Triều T8 mỗi người phải hoàn trả số tiền là 422.871 đồng (bốn trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng);

- Bà Ngô Triều N2 (Ngô Thị L1), bà Ngô Triều L3, ông Ngô Triều T6 mỗi người phải hoàn trả số tiền là 507.445 đồng (năm trăm lẻ bảy nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng);

- Bà Nguyễn Thị Lan P, bà Ngô Hoàng X, bà Ngô Thị Phương T, bà Ngô Hoàng Minh H mỗi người phải hoàn trả số tiền là 2.642.944 đồng (hai triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng);

- Bà Ngô Hoàng C2, bà Ngô Hoàng D mỗi người phải hoàn trả số tiền là 3.523.925 đồng (ba triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng);

- Bà Hồng Tiên M, bà Ngô Thục A, bà Ngô Thục U, bà Ngô Tuyết N1 mỗi người phải hoàn trả số tiền là 880.981 đồng (tám trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi một đồng);

- Ông Nguyễn Thành T7, bà Nguyễn Thụy Diễm C3 mỗi người phải hoàn trả số tiền là 253.723 đồng (hai trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng);

- Ông Văn Văn S1, ông Văn Đình L4, ông Văn Đình Q mỗi người phải hoàn trả số tiền là 169.148 đồng (một trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi tám đồng);

- Ông Trương Ngọc T1, ông Trương Ngọc T2, bà Trương Ngọc T4, ông Trương Ngọc T3 mỗi người phải hoàn trả số tiền là 105.718 đồng (một trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm mười tám đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Ngô Tích S được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông Ngô Tích S đối với di sản là 04 căn nhà liền kề nhau và khu nhà phía sau của cơ sở cất giấy toạ lạc tại 59 – 61 Hương lộ A, Phường B, quận T (nay là số 48, 50 và E L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); về lãi suất chậm thi hành án; về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**